

Số: 1231/BC-STP-VP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2024

**BÁO CÁO**  
**CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ I NĂM 2024**  
(Giai đoạn từ ngày 01/12/2023 đến ngày 29/02/2024)

Thực hiện Công văn số 877/SNV-CCHC ngày 01/3/2022 của Sở Nội vụ về hướng dẫn xây dựng Kế hoạch công tác và chế độ báo cáo cải cách hành chính (CCHC) trên địa bàn Thành phố, Sở Tư pháp báo cáo công tác CCHC trong Quý I năm 2024 như sau:

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

**1. Về tổ chức, chỉ đạo điều hành cải cách hành chính**

Triển khai thực hiện Quyết định số 6004/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch thực hiện công tác CCHC trên địa bàn Thành phố năm 2024, Sở Tư pháp đã ban hành Kế hoạch thực hiện công tác CCHC năm 2024<sup>1</sup>. Trong đó, Sở Tư pháp xác định rõ mục tiêu trọng tâm của công tác CCHC và các nhiệm vụ thực hiện thường xuyên, định kỳ trong năm; phân công cụ thể trách nhiệm, tiến độ thực hiện của từng Phòng chuyên môn, Đơn vị trực thuộc Sở; chú trọng tăng cường công tác đôn đốc, kiểm tra nhằm đảm bảo các công việc đạt chất lượng, hiệu quả, hoàn thành đúng tiến độ thời gian, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ công tác.

Sau khi ban hành Kế hoạch, Sở đã tổ chức quán triệt, phổ biến nội dung Kế hoạch CCHC của Thành phố và của Sở đến các Phòng chuyên môn, Đơn vị trực thuộc Sở và công chức, viên chức, người lao động, phấn đấu hoàn thành 100% nhiệm vụ đề ra.

Bên cạnh đó, Sở đã ban hành và triển khai Kế hoạch thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC), kiểm soát TTHC năm 2024<sup>2</sup>; triển khai Công văn số 579/UBND-KSTT ngày 31/01/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện Thông báo số 489/TB-VPCP ngày 28/11/2023 của Văn phòng Chính phủ liên quan đến CCHC<sup>3</sup>.

<sup>1</sup> Quyết định số 52/QĐ-STP-VP ngày 24/01/2024.

<sup>2</sup> Quyết định số 52/QĐ-STP-VP ngày 24/01/2024.

<sup>3</sup> Công văn số 970/STP-VP ngày 21/02/2024.



## 2. Công tác kiểm tra, khảo sát cải cách hành chính

Trong Quý II/2024, Sở Tư pháp sẽ ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC, kiểm soát TTHC năm 2024 tại Sở, đồng thời dự kiến kiểm tra đột xuất tối thiểu 05 đơn vị thuộc Sở về công vụ, văn hóa công sở, việc thực hiện quy tắc ứng xử, thái độ, tác phong của công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ và tiếp nhận, giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp.

## 3. Công tác thông tin, tuyên truyền CCHC

- Sở Tư pháp thực hiện lồng ghép nội dung nhiệm vụ về công tác thông tin, tuyên truyền CCHC trong Kế hoạch thực hiện công tác CCHC năm 2024; Kế hoạch cải cách TTHC, kiểm soát TTHC năm 2024.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch số 7364/KH-UBND ngày 22/12/2023 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn Thành phố năm 2024, trong đó, có nội dung chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện, các Phòng chuyên môn, Đơn vị trực thuộc Sở đẩy mạnh công tác tuyên truyền về CCHC và kiểm soát TTHC gắn với Chủ đề năm 2024 “*Quyết tâm thực hiện hiệu quả Chuyển đổi số và Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội*” của Thành phố.

- Ban hành Kế hoạch của về biên soạn và đăng tải tài liệu tuyên truyền pháp luật trên Trang/Cổng Thông tin điện tử 06 tháng đầu năm 2024<sup>4</sup>.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các nội dung liên quan đến các hoạt động CCHC, cải cách TTHC của Thành phố và Sở trên Cổng thông tin tuyên truyền pháp luật Thành phố và Trang thông tin điện tử Sở, cụ thể đã đăng tải các Bản tin điện tử Cải cách hành chính định kỳ hàng tuần của Văn phòng Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ; 32 bản tin hoạt động tuyên truyền pháp luật; 23 tin về các quy định pháp luật mới được ban hành, 108 tài liệu tờ gấp, hỏi đáp pháp luật,...

## 4. Những mô hình, sáng kiến trong triển khai công tác CCHC

Sở Tư pháp tiếp tục phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai thực hiện tốt liên thông nhóm thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp và cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Thành phố theo Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 07/7/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố, qua đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân thực hiện nhóm thủ tục này, đồng thời việc liên thông cũng đã rút ngắn thời gian thực hiện và cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC.

<sup>4</sup> Kế hoạch số 320/KH-STP-PBGDPL 16/01/2024.



## **5. Xác định, nâng cao chỉ số CCHC**

- Sở Tư pháp tiếp tục quán triệt thực hiện tốt các giải pháp nâng cao chỉ số CCHC theo Kế hoạch cải thiện Chỉ số CCHC (PAR-Index), nâng cao sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với cơ quan hành chính nhà nước của Sở; tiếp tục chỉ đạo các Trưởng phòng Chuyên môn, Thủ trưởng Đơn vị trực thuộc Sở căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực phụ trách chủ động tham mưu Ban Giám đốc Sở triển khai, đảm bảo thực hiện có hiệu quả các tiêu chí, tiêu chí thành phần của PAR-Index theo lĩnh vực phụ trách; chủ động báo cáo các vướng mắc, khó khăn ảnh hưởng đến tiến độ, kết quả thực hiện các tiêu chí, tiêu chí thành phần PAR- Index của Thành phố và của Sở.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Quyết định số 3494/QĐ-UBND ngày 19/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt Đề án xác định Chỉ số CCHC của sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện trên địa bàn Thành phố.

## **6. Công tác phối hợp trong triển khai CCHC**

Trong Quý I/2024, Sở Tư pháp phối hợp tốt với Sở Nội vụ trong triển khai tự đánh giá chỉ số CCHC của Thành phố và đánh giá chỉ số CCHC đối với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện năm 2023 đảm bảo theo tiến độ quy định.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

Trong Quý I/2024, Sở Tư pháp đã triển khai nghiêm túc, kịp thời các nhiệm vụ liên quan đến công tác CCHC theo chức năng và nhiệm vụ được phân công, đảm bảo triển khai đúng tiến độ và chất lượng các lĩnh vực công tác CCHC. Cụ thể như sau:

### **1. Cải cách thể chế**

#### **1.1. Cải cách thể chế của Thành phố**

##### **a) Về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)**

- Tổ chức “Hội nghị pháp luật về tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ pháp chế và cán bộ, công chức trực tiếp tham gia công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và đánh giá thủ tục hành chính trong văn bản quy phạm pháp luật” vào ngày 12, 13 và 14 tháng 12 năm 2023 cho đại diện các sở, ban, ngành Thành phố, các Ban thuộc Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Phòng Tư pháp các quận, huyện, Phòng Tư pháp thành phố Thủ Đức, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố.



- Thường xuyên có các văn bản gửi các cơ quan, đơn vị để theo dõi, đôn đốc tiến độ xây dựng, tham mưu các VBQPPL thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND Thành phố và UBND Thành phố theo danh mục văn bản quy định chi tiết các VBQPPL do cơ quan nhà nước cấp trên giao. Đối với danh mục văn bản quy định chi tiết năm 2024, hiện nay Sở đang nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố theo chức năng, nhiệm vụ.

- Qua thống kê, trong kỳ báo cáo có 32 VBQPPL của HĐND, UBND Thành phố được ban hành và 21 văn bản quy phạm pháp luật do UBND cấp huyện ban hành. Phần lớn các VBQPPL do HĐND, UBND Thành phố, UBND cấp huyện ban hành có nội dung phù hợp các quy định pháp luật hiện hành và thực tiễn quản lý của Thành phố, đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, điều hành, công tác quản lý nhà nước của Thành phố, qua đó, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội trên địa bàn Thành phố.

- Có Báo cáo gửi Bộ Tư pháp báo cáo tình hình thực hiện việc đánh giá tác động chính sách, TTHC trong đề nghị, dự án, dự thảo VBQPPL năm 2023<sup>5</sup>.

#### ***b) Công tác kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa VBQPPL***

- Tham mưu UBND Thành phố ban hành các văn bản: Kế hoạch về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL và xây dựng Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật năm 2024<sup>6</sup>; Quyết định công bố Danh mục VBQPPL của HĐND và UBND Thành phố hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2023<sup>7</sup>; Báo cáo về kết quả tự kiểm tra văn bản liên quan đến việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý thị trường bất động sản, việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển nhà ở xã hội, việc thực hiện chính sách, pháp luật về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2018 - 2023 gửi Bộ Tư pháp<sup>8</sup>.

#### ***c) Công tác theo dõi thi hành pháp luật***

- Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các văn bản: Báo cáo về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023 trên địa bàn Thành phố<sup>9</sup>; Kế hoạch số 6555/KH-UBND ngày 29/12/2023 về theo dõi tình hình thi

<sup>5</sup> Báo cáo số 7008/BC-STP-VB ngày 06/12/2023.

<sup>6</sup> Kế hoạch số 6474/KH-UBND ngày 26/12/2023.

<sup>7</sup> Quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 25/01/2024.

<sup>8</sup> Báo cáo số 47/BC-UBND ngày 22/02/2024.

<sup>9</sup> Báo cáo số 7030/BC-UBND ngày 07/12/2023.



hành pháp luật năm 2024 trên địa bàn Thành phố<sup>10</sup>; Công văn xác định lĩnh vực trọng tâm liên ngành theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2024 trên địa bàn Thành phố<sup>11</sup>.

## **1.2. Cải cách thể chế tại Sở Tư pháp**

### ***a) Xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật***

- Tiếp tục phối hợp các sở, ngành trong việc góp ý, thẩm định các dự thảo VBQPPL triển khai thực hiện Nghị quyết số 98/2023/QH15; góp ý, hoàn chỉnh dự thảo Nghị định về phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho Thành phố<sup>12</sup>.

- Tiếp tục phối hợp với Sở Nội vụ, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Học viện Cán bộ Thành phố, Viện Nghiên cứu Phát triển Thành phố và các cơ quan liên quan nghiên cứu “*Đề án cơ sở lý luận, pháp lý, thực tiễn trong xác định thẩm quyền giải quyết của tập thể Ủy ban nhân dân Thành phố (thẩm quyền chung), và thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố (thẩm quyền riêng)*”. Trong quý, Sở có công văn gửi Học viện Cán bộ Thành phố đề nghị thông tin về tiến độ thực hiện Đề án để xây dựng lộ trình phối hợp phù hợp<sup>13</sup>. Sở sẽ tiếp tục theo dõi, phối hợp hoàn thiện Đề án, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố theo sự phân công.

- Trong kỳ báo cáo, Sở đã thẩm định 14 lượt dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do các Sở, ngành soạn thảo, đảm bảo tính chặt chẽ, đúng pháp luật đối với từng nội dung cụ thể của dự thảo trước khi trình HĐND, UBND Thành phố ban hành; trong đó không có dự thảo có dấu hiệu chứa thủ tục hành chính.

### ***b) Công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật***

- Ban hành Kế hoạch về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL và xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật năm 2024 tại Sở Tư pháp<sup>14</sup>.

- Thực hiện rà soát VBQPPL do Trung ương và Thành phố ban hành liên quan đến an ninh, an toàn thực; rà soát VBQPPL do Trung ương và Thành phố ban hành để triển khai thi hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn Thành phố<sup>15</sup>.

<sup>10</sup> Kế hoạch số 6555/KH-UBND ngày 29/12/2023.

<sup>11</sup> Công văn số 1088/STP-THPL ngày 28/02/2024.

<sup>12</sup> Công văn số 876/STP-VB ngày 17/02/2024.

<sup>13</sup> Công văn số 613/STP-VB ngày 29/01/2024.

<sup>14</sup> Kế hoạch số 423/KH-STP-KTrVB ngày 19/01/2024.

<sup>15</sup> Báo cáo số 109/BC-STP-KTrVB ngày 08/01/2024; Báo cáo số 6898/BC-STP-KTrVB ngày 04/12/2023



- Phối hợp với các sở, ban, ngành Thành phố thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019 - 2023 trên địa bàn Thành phố, qua đó đã lập 04 danh mục văn bản gồm: Danh mục VBQPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023; Danh mục VBQPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023; Danh mục VBQPPL còn hiệu lực trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023 và Danh mục VBQPPL cần đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023.

### ***c) Công tác theo dõi thi hành pháp luật***

- Triển khai thực hiện Chỉ thị về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ<sup>16</sup>.

## **2. Cải cách TTHC, kiểm soát TTHC**

- Sở thực hiện niêm yết công khai, đầy đủ các TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả và trên Cổng thông tin điện tử của Sở. Đồng thời, các Phòng Công chứng thuộc Sở thực hiện công tác niêm yết, công khai TTHC bằng bản giấy và thông qua ki-ốt điện tử tại đơn vị.

- Thực hiện nghiêm túc “Thư xin lỗi” trong trường hợp giải quyết TTHC trễ hẹn theo Quyết định số 5157/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Kết quả giải quyết TTHC trong Quý I năm 2024:

Lĩnh vực	Hồ sơ nhận giải quyết		Đã giải quyết		Đang giải quyết	
	Số mới tiếp nhận	Số từ kỳ trước chuyển qua	Đúng hạn	Quá hạn	Chưa đến hạn	Quá hạn
<b>I. Tại cơ quan Sở Tư pháp</b>						
Lĩnh vực Hộ tịch - Quốc tịch	584	46	590	0	40	0
Lĩnh vực Bổ trợ tư pháp	891	0	891	0	0	0

<sup>16</sup> Kế hoạch số 821/KH-STP ngày 06/02/2024



Lĩnh vực	Hồ sơ nhận giải quyết		Đã giải quyết		Đang giải quyết	
	Số mới tiếp nhận	Số từ kỳ trước chuyển qua	Đúng hạn	Quá hạn	Chưa đến hạn	Quá hạn
Lĩnh vực Lý lịch tư pháp	30.409	6.049	28.104	2	8.272	80
Cộng	31.884	6.095	29.585 (tỷ lệ 99,993%)	2 (tỷ lệ 0,007%)	8.312 (tỷ lệ 99%)	80 (tỷ lệ 1%)
	37.979		29.587 (tỷ lệ 78%)		8.392 (tỷ lệ 22%)	
<b>II. Tại các đơn vị trực thuộc Sở</b>						
Lĩnh vực Chứng thực	123.801	0	123.801	0	0	0
Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý	213	09	217	0	05	0
Cộng	124.014	09	124.018 (tỷ lệ 100 %)	0 (tỷ lệ 0%)	05 (tỷ lệ 100%)	0 (tỷ lệ 0%)
	124.023		124.018 (tỷ lệ 99,996%)		05 (tỷ lệ 0,004%)	
<b>Tổng cộng (I+II)</b>	<b>155.898</b>	<b>6.104</b>	<b>153.603</b> (tỷ lệ 99,998%)	<b>02</b> (tỷ lệ 0,002%)	<b>8.317</b> (tỷ lệ 99%)	<b>80</b> (tỷ lệ 1%)
	<b>162.002</b>		<b>153.605</b> (tỷ lệ 95%)		<b>8.397</b> (tỷ lệ 5%)	

- Số lượng hồ sơ xử lý trực tuyến tại Cơ quan Sở là 03 hồ sơ trong tổng số 30.993 hồ sơ tiếp nhận đối với các TTHC có triển khai trực tuyến, tỷ lệ là 0.01% (trong đó: thủ tục lĩnh vực lý lịch tư pháp là 0/30.409 hồ sơ, tỷ lệ 0%; thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch là 03/584 hồ sơ, tỷ lệ 1.5%).



- Số lượng hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích là 6.084 hồ sơ, với tổng cộng 6.084 lượt (trong đó: tiếp nhận 0 lượt hồ sơ, trả kết quả 6.084 lượt hồ sơ).

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận sáng thứ Bảy hàng tuần là 1.994 hồ sơ.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước**

- Hiện nay, Sở Tư pháp có 10 Phòng chuyên môn và 10 Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc. Các Phòng chuyên môn và Đơn vị trực thuộc Sở đều có quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế làm việc đảm bảo thực hiện quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan thuộc Thành phố theo quy định pháp luật hiện hành.

- Về xây dựng đề án vị trí việc làm: Sở đã triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm theo quy định; có văn bản đề nghị Sở Nội vụ hướng dẫn một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình xây dựng và phê duyệt vị trí việc làm<sup>17</sup>.

- Về quy định chức năng, nhiệm vụ của Sở Tư pháp, Đơn vị trực thuộc: ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản<sup>18</sup>.

### **4. Cải cách chế độ công vụ**

- Về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động: Trong quý I năm 2024, Sở đã ban hành thông báo về việc thực hiện quy trình xem xét bổ nhiệm lại đối với 02 trường hợp là công chức; thực hiện quy trình điều động và bổ nhiệm chức vụ đối với 02 trường hợp; điều động đối với 01 trường hợp<sup>19</sup>.

- Về công tác luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác: ban hành Kế hoạch luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức tại Sở năm 2024<sup>20</sup>; thực hiện quy trình chuyển công tác đối với 01 trường hợp.

- Về đánh giá, phân loại công chức, viên chức: ban hành văn bản thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức năm 2023; kết quả đánh giá, xếp loại công chức, viên chức năm 2023<sup>21</sup>.

- Về đánh giá, phân loại hiệu quả công việc hàng quý của công chức, viên chức người lao động được Sở Tư pháp: thực hiện việc đánh giá, phân loại hiệu quả công việc Quý IV năm 2023 của công chức, người lao động Cơ quan Sở Tư

<sup>17</sup> Công văn số 7251/STP-TC ngày 18/12/2023

<sup>18</sup> Quyết định số 723/QĐ-STP ngày 27/12/2023

<sup>19</sup> Thông báo số 7594/TB-STP-TC ngày 29/12/2023; Thông báo số 7595/TB-STP-TC ngày 29/12/2023; Quyết định số 01/QĐ-STP-Tc ngày 02/01/2024, Quyết định số 103/QĐ-STP-TC ngày 16/02/2024; Quyết định số 02/QĐ-STP-TC ngày 02/01/2024.

<sup>20</sup> Kế hoạch số 624/KH-STP-TC ngày 29/01/2024.

<sup>21</sup> Công văn số 7035/STP-TC ngày 07/12/2023; Thông báo số 7035/TB-STP-TC ngày 07/12/2023; Thông báo số 7291/TB-STP-TC; Thông báo số 7292/TB-STP-TC ngày 19/12/2023, Báo cáo số 80/STP-TC ngày 05/01/2024.



pháp, người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp<sup>22</sup>; thực hiện việc kiểm điểm cán bộ lãnh đạo, quản lý năm 2023<sup>23</sup>.

- Về công tác kê khai, công khai tài sản, thu nhập: thực hiện công tác kê khai tài sản, thu nhập hằng năm (23 người); kê khai tài sản, thu nhập bổ sung năm 2023 (28 người).

- Về công tác đào tạo, bồi dưỡng: ban hành Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức Sở năm 2024<sup>24</sup>; triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng đến công chức, viên chức; đăng ký nguồn nhân sự giới thiệu bổ nhiệm Kiểm soát viên chuyên trách tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Chương trình học bổng Thạc sĩ Chính sách công năm 2024; cử người tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch<sup>25</sup>,...

- Về chế độ chính sách: đảm bảo giải quyết chế độ chính sách cho công chức, viên chức, người lao động đầy đủ, đúng thời hạn và quy định. Trong quý Sở đã như thực hiện quy trình kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với 01 trường hợp; ban hành thông báo về việc nghỉ hưu đối với 02 trường hợp; nghỉ chế độ thai sản đối với 03 trường hợp<sup>26</sup>; thực hiện nâng lương trước hạn đối với 29 trường hợp, nâng lương thường xuyên đối với 21 trường hợp.

- Triển khai khảo sát và báo cáo kết quả khảo sát phục vụ việc xây dựng Đề án “*Xây dựng nền công vụ Thành phố Hồ Chí Minh hoạt động hiệu lực, hiệu quả giai đoạn 2024 - 2030*”<sup>27</sup>.

## 5. Cải cách tài chính công

- Tiếp tục thực hiện tốt cơ chế tự chủ tại các đơn vị theo quy định; có Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của chính phủ năm 2023<sup>28</sup>; Báo cáo đánh giá về tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác năm 2022; kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 và kết quả thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội trong năm 2023<sup>29</sup>.

<sup>22</sup> Thông báo số 131/TB-STP ngày 08/01/2024; Thông báo số 97/TB-STP ngày 05/01/2024, Thông báo số 96/TB-STP ngày 05/01/2024.

<sup>23</sup> Công văn số 102/STP-TC ngày 05/01/2024.

<sup>24</sup> Kế hoạch số 353/KH-STP-TC ngày 17/01/2024.

<sup>25</sup> Công văn số 329/STP-TC ngày 16/01/2024; Công văn số 1036/STP-TC ngày 26/02/2024; Công văn số 7033/STP-TC ngày 07/12/2023.

<sup>26</sup> Quyết định số 743/QĐ-STP-TC ngày 29/12/2023; Thông báo số 6891, 6891/TB-STP-TC ngày 01/12/2023. Thông báo số 7124/TB-STP-TC ngày 12/12/2023; Thông báo số 7007/TB-STP-TC ngày 06/12/2023; Thông báo số 862/TB-STP-TC ngày 16/02/2024.

<sup>27</sup> Công văn số 846/STP-TC ngày 07/02/2024; Công văn số 847/STP-TC ngày 07/02/2024.

<sup>28</sup> Báo cáo số 668/BC-STP-VP ngày 30/01/2024.

<sup>29</sup> Báo cáo số 6572/BC-STP-VP ngày 20/11/2023



- Ban hành các Quyết định về việc công bố công khai dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023; Quyết định về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2023<sup>30</sup>; Kế hoạch kiểm tra công tác quản lý tài chính năm 2023<sup>31</sup>.

## **6. Hiện đại hóa nền hành chính, xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số**

### **6.1. Về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động**

- Tiếp tục sử dụng Phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc đối với toàn bộ văn bản nhận đến và ban hành (trừ văn bản bí mật Nhà nước), đáp ứng yêu cầu kết nối, quản lý, khai thác, sử dụng và xử lý văn bản.

- Duy trì thực hiện việc thông báo lịch họp, lịch công tác của Sở cho Ban Giám đốc Sở, Lãnh đạo các Phòng chuyên môn, Đơn vị trực thuộc Sở qua hệ thống tin nhắn của điện thoại di động và hộp thư điện tử Thành phố.

- Công khai, niêm yết đầy đủ các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và số điện thoại liên hệ của cơ quan, đơn vị trên Trang thông tin điện tử của Sở và một số đơn vị trực thuộc nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp liên hệ, trao đổi cũng như tra cứu, thực hiện TTHC.

- Duy trì thông báo kết quả giải quyết hồ sơ lý lịch tư pháp qua tin nhắn; cung ứng dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với thủ tục cấp bản sao hộ tịch.

- Đảm bảo thực hiện nghiêm túc công tác khảo sát, đánh giá sự hài lòng của người dân với 06 máy tính bảng đặt tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở, đồng thời tiếp tục đăng tải liên kết với Hệ thống đánh giá sự hài lòng của tổ chức và người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước của Thành phố và Mục “Ý kiến người dân” trên Trang thông tin điện tử của Sở.

- Các Phòng Công chứng trực thuộc Sở triển khai nghiêm túc công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong niêm yết công khai TTHC thông qua ki ốt điện tử hoặc máy tính đặt tại trụ sở.

### **6.2. Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính**

- Ban hành Kế hoạch triển khai mở rộng, cải tiến và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tích hợp ứng dụng công nghệ thông tin tại Cơ quan Sở Tư pháp năm 2024<sup>32</sup>.

- Ban hành Quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo ISO và Tổ công tác ISO triển khai duy trì áp dụng và cải tiến, mở rộng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 của Cơ quan Sở Tư pháp<sup>33</sup>.

<sup>30</sup> Quyết định số 748/QĐ-STP-VP ngày 29/12/2023; Quyết định số 747/QĐ-STP-VP ngày 29/12/2023

<sup>31</sup> Kế hoạch số 1152/KH-STP-VP ngày 01/3/2024

<sup>32</sup> Kế hoạch số 1163/KH-STP-VP ngày 01/3/2024

<sup>33</sup> Quyết định số 54/QĐ-STP ngày 24/01/2024



- Trong kỳ báo cáo, Sở Tư pháp có 113 thủ tục hành chính đã được công bố đang thực hiện ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Ưu điểm**

- Sở Tư pháp chủ động triển khai kịp thời, đầy đủ các nhiệm vụ liên quan đến công tác CCHC, kiểm soát TTHC của Thành phố và của Sở đến công chức, viên chức, người lao động tại đơn vị.

- Công tác chỉ đạo, điều hành tại Sở luôn được quan tâm, chú trọng, đảm bảo việc xây dựng, ban hành và tham mưu UBND Thành phố ban hành đầy đủ, kịp thời các kế hoạch, văn bản chỉ đạo, điều hành trong công tác CCHC, kiểm soát TTHC.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chủ động thực hiện nhiều giải pháp trong công tác cải cách TTHC để tăng tính công khai, minh bạch và giúp người dân tiếp cận và thực hiện hồ sơ hành chính thuận lợi hơn.

### **2. Những khó khăn, tồn tại, hạn chế**

- Trong quý I, số lượng người dân đến trụ sở Sở Tư pháp thực hiện thủ tục hành chính tăng cao, nhất là lĩnh vực cấp phiếu Lý lịch tư pháp tăng hơn 70% so với cùng kỳ năm 2023 đã gây quá tải tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở; tạo áp lực lớn cho đội ngũ công chức tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính.

- Việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố tại Sở đã được thực hiện nhưng còn gặp nhiều vướng mắc liên quan đến hệ thống chưa ổn định, thường xuyên bị lỗi; việc thiết kế ứng dụng nhập thông tin, đồng bộ dữ liệu, xử lý hồ sơ chưa hoàn chỉnh; chưa kết nối được với cơ sở dữ liệu về hộ tịch; việc xử lý sự cố, các lỗi kỹ thuật khi phát sinh của đơn vị thiết kế Hệ thống chưa kịp thời, chưa hiệu quả; việc hoàn thiện kỹ thuật của đơn vị thiết kế Hệ thống để Sở cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với thủ tục cấp Phiếu Lý lịch tư pháp rất chậm.

## **III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI**

1. Triển khai hiệu quả, đúng tiến độ các chỉ đạo, kế hoạch của Chính phủ và Ủy ban nhân dân Thành phố liên quan đến công tác CCHC.

2. Đảm bảo duy trì hiệu quả và chất lượng công tác xây dựng, ban hành, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo việc cập nhật hiệu lực văn bản kịp thời, chính xác và đầy đủ.

3. Tiếp tục phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố và các đơn vị có liên quan để triển khai tiếp nhận hồ



sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thành phố; thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với TTHC cấp Phiếu Lý lịch tư pháp.

4. Duy trì việc trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm tạo thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC.

5. Ban hành, triển khai Kế hoạch kiểm tra, khảo sát công tác CCHC và kiểm soát TTHC năm 2024 tại Sở.

6. Thường xuyên rà soát và tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố công bố sửa đổi, bổ sung TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp phù hợp quy định pháp luật.

7. Tiếp tục phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện Kế hoạch liên tịch số 5104/KH-STP-BTTP ngày 29/10/2020 về kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu công chứng và cơ sở dữ liệu địa chính.

8. Tiếp tục triển khai quy trình điện tử thủ tục liên thông: đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, bảo hiểm y tế; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, trợ cấp mai tang phí; đăng ký kết hôn, cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

9. Ban hành Quy chế làm việc tại Cơ quan Sở.

10. Hoàn thành Đề án vị trí việc làm tại Sở.

11. Xây dựng, trình ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành quy định về tiêu chuẩn chức danh cấp Trưởng, Phó các đơn vị thuộc Sở Tư pháp, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện.

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của UBND Thành phố và Ban chỉ đạo CCHC Thành phố.

*(Đính kèm các số liệu chi tiết tại các Phụ lục báo cáo công tác Cải cách hành chính của Sở Tư pháp gồm Phụ lục 1B, Phụ lục 2A, Phụ lục 2B, Phụ lục 3B, Phụ lục 4B, Phụ lục 5B, Phụ lục 6B, Phụ lục 7B).*

**Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ (Phòng CCHC);
- Lưu: VT, TH (Linh).



**Hoàng Văn Hạnh**





**Phụ lục 1B**  
**THÔNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC**  
**CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TẠI SỞ TƯ PHÁP**  
(Kèm theo Báo cáo số 1271/BC-STP-VP ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Sở Tư pháp)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	<b>Công tác chỉ đạo điều hành CCHC</b>			
1.1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	07	
1.2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	31	
1.2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	100	
1.2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	31	
1.3.	Kiểm tra CCHC			Trong Quý II/2024, Sở Tư pháp sẽ ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				tại Sở Tư pháp.
1.3.1.	Số phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.3.2.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
1.3.2.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
1.3.2.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.4.	Thực hiện nhiệm vụ Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao (bao gồm các nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được Thành phố chỉ đạo chủ trì tham mưu thực hiện)			
1.4.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	248	
1.4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	93	
1.4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	116	
1.4.4.	Số nhiệm vụ đã quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	20	Chưa hoàn thành còn trong hạn: 19
1.5.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
1.5.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến =	0	



STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
		0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
1.5.3	Kết quả khảo sát	Số lượt	2.350	
1.5.3.1	Hài lòng	%	93	
1.5.3.2	Không hài lòng	%	7	
1.6.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	Định kì 02 lần/tháng theo lịch tiếp công dân

**SỞ TƯ PHÁP TP. HỒ CHÍ MINH**





ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**SỞ TƯ PHÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 2A  
**THÔNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
CÔNG TÁC CẢI CÁCH THỂ CHẾ CỦA THÀNH PHỐ**

(Kèm theo Báo cáo số 1271 /BC-STP-VP ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Sở Tư pháp)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	<b>Cải cách thể chế</b>			
1.1.	<b>Tổng số văn bản quy phạm pháp luật do Thành phố ban hành</b>	Văn bản		
1.1.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu Thành phố ban hành	Văn bản	32	Số liệu căn cứ trên Trang Công báo Thành phố
Trong đó	Số Nghị quyết của HĐND Thành phố ban hành	Văn bản	16	
	Số Quyết định của UBND Thành phố ban hành	Văn bản	16	
1.1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	21	
Trong đó	Số Nghị quyết của HĐND huyện, thành phố Thủ Đức ban hành	Văn bản	02	
	Số Quyết định của UBND cấp huyện ban hành	Văn bản	19	
1.1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
Trong	Số Nghị quyết của HĐND xã, thị trấn ban hành	Văn bản	0	



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
đó	Số Quyết định của UBND cấp xã ban hành	Văn bản	0	
<b>1.2.</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>			
1.2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của Thành phố	Văn bản	29	
1.2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100	
1.2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
1.2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
<b>1.3.</b>	<b>Rà soát văn bản</b>			
1.3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của Thành phố	Văn bản	29	
1.3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	62.96	
1.3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	27	
1.3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	17	



**SỞ TƯ PHÁP TP. HỒ CHÍ MINH**





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 2B  
**THÔNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
CÔNG TÁC CẢI CÁCH THỂ CHẾ TẠI SỞ TƯ PHÁP**  
(Kèm theo Báo cáo số 1271 /BC-STP-VP ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Sở Tư pháp)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	<b>Cải cách thể chế</b>			
1.1.	<b>Tổng số văn bản quy phạm pháp luật do đơn vị tham mưu ban hành</b>	Văn bản	00	
Trong đó	Số Nghị quyết của HĐND Thành phố ban hành	Văn bản	00	
	Số Quyết định của UBND Thành phố ban hành	Văn bản	00	
1.2.	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>			
1.2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra	Văn bản	00	
1.2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100	
1.2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	00	
1.2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	00	



STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.3.</b>	<b>Rà soát văn bản</b>			
1.3.1.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	00	
1.3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100	
1.3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	00	
1.3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	00	

SỞ TƯ PHÁP TP. HỒ CHÍ MINH







CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**Phụ lục 3B**  
**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC**  
**CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI SỞ TƯ PHÁP**  
(Kèm theo Báo cáo số 1271 /BC-STP-VP ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Sở Tư pháp)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Cải cách thủ tục hành chính</b>			
<b>1.1.</b>	<b>Thống kê TTHC</b>			
1.1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	06	
1.1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	03	
1.1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	13	Trong đó có 10 sửa đổi, bổ sung, 02 thay thế, 01 bãi bỏ
1.1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	Thủ tục	120	
<b>1.2.</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>			
1.2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	03	
1.2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	13	
1.2.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	90	



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.2.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
1.2.5.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	01	
<b>1.3.</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>			
1.3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99.9	
1.3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	153.605	
1.3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	153.603	
1.3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn tại Sở Tài nguyên và Môi trường và các Ban Quản lý (nếu có)	%	//	
1.3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn tại Sở Xây dựng và các Ban Quản lý (nếu có)	%	//	
<b>1.4.</b>	<b>Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC</b>	%	100	
1.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	16	
1.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	16	



ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



**SỞ TƯ PHÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**Phụ lục 4B**

**THÔNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC  
CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TẠI SỞ TƯ PHÁP**

(Kèm theo Báo cáo số 127/BC-STP-VP ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Sở Tư pháp)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	<b>Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước</b>			
1.1.	<b>Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy</b>			
1.1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
1.1.2.	Số phòng, ban chuyên môn thuộc đơn vị	Cơ quan, đơn vị	10	
1.1.3	Số đơn vị sự nghiệp công lập			
Trong đó	Số ĐVSNCL trực thuộc	Cơ quan, đơn vị	10	
	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	0%	
1.2.	<b>Số liệu về biên chế công chức</b>			



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	96	
1.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	91	
1.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	20	
1.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
1.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	0	
<b>1.3.</b>	<b>Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập</b>			
1.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	30	
1.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	24	
1.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
1.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	0	
1.4	Tổng số người làm việc theo hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập tại quy định Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2019/NĐ-CP	Người	0	
1.4.1	Số người làm việc theo hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính tại quy định Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2019/NĐ-CP	0	0	



STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.4.2	Số người làm việc theo hợp đồng lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập tại quy định Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2019/NĐ-CP	Người	0	

SỞ TƯ PHÁP TP. HỒ CHÍ MINH





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**Phụ lục 5B**

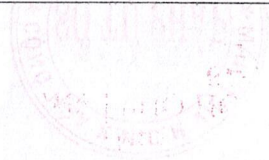
**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC  
CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ TẠI SỞ TƯ PHÁP**

(Kèm theo Báo cáo số 1271/BC-STP-VP ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Sở Tư pháp)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Cải cách chế độ công vụ</b>			
<b>1.1.</b>	<b>Vị trí việc làm của công chức, viên chức</b>			
1.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	10	
1.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	10	
1.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
<b>1.2.</b>	<b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>			
1.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển)	Người	0	
1.2.2.	Số công chức được tuyển dụng (xét tuyển)	Người	0	
1.2.3.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
1.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
1.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
<b>1.3.</b>	<b>Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo</b>			



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.3.1.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
1.3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
1.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	01	
<b>1.4.</b>	<b>Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền)</b>			
1.4.1.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành bị kỷ luật	Người	0	
1.4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành bị kỷ luật	Người	0	
1.4.3.	Số công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị kỷ luật	Người	0	
1.4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật	Người	0	
<b>1.5.</b>	<b>Việc thực hiện chính sách thu hút và phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt</b>			
1.5.1.	Số chuyên gia được tuyển dụng	Người	0	
1.5.2.	Số chuyên gia thôi việc	Người	0	
1.5.3.	Số nhà khoa học được tuyển dụng	Người	0	
1.5.4.	Số nhà khoa học thôi việc	Người	0	
1.5.5.	Số người có tài năng đặc biệt được tuyển dụng	Người	0	
1.5.6.	Số người có tài năng đặc biệt thôi việc	Người	0	



SỞ TƯ PHÁP TP. HỒ CHÍ MINH



ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 6B

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC  
CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG TẠI SỞ TƯ PHÁP**

(Kèm theo Báo cáo số 1271/BC-STP-VP ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Sở Tư pháp)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	<b>Cải cách tài chính công</b>			
1.1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	00	
1.1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	00	
1.1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	00	
1.2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
1.2.1.	Số ĐVSNCL trực thuộc đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	07	
1.2.2.	Số ĐVSNCL trực thuộc đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	02	
1.2.3.	Số ĐVSNCL trực thuộc đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	00	
1.2.3.1.	Số ĐVSNCL tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	00	
1.2.3.2.	Số ĐVSNCL tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	00	
1.2.3.3.	Số ĐVSNCL tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	00	



STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.2.4.	Số ĐVSNCL trực thuộc do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Cơ quan, đơn vị	01	
1.2.5.	Số lượng ĐVSNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Cơ quan, đơn vị	00	

SỞ TƯ PHÁP TP. HỒ CHÍ MINH







Phụ lục 7B

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC HIỆN ĐẠI HÓA NỀN HÀNH CHÍNH,  
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ TẠI SỞ TƯ PHÁP**  
(Kèm theo Báo cáo số 1271 /BC-STP-VP ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Sở Tư pháp)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	<b>Hiện đại hóa nền hành chính, xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử</b>			
1.1.	Triển khai các Kế hoạch Kiến trúc chính quyền điện tử	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	Cơ sở dữ liệu về hộ tịch, xây dựng ứng dụng công nghệ thông tin theo định hướng tại Kiến trúc chính quyền điện tử.
1.2.	Triển khai thực hiện Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của Thành phố	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	Sở Tư pháp không có hệ thống thông tin báo cáo riêng tại cơ quan Sở, chỉ sử dụng hệ thống thông tin báo cáo của Thành phố (baocao-ict.tphcm.gov.vn, báo cáo cchc,.v.v.)



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.3.	Đã được cấp chứng thư số	Chưa = 0 Có = 1	1	
1.3.1	Tỷ lệ phòng, ban, đơn vị được cấp chứng thư số	%	15% (03/20 đơn vị)	Cơ quan Sở, Trung tâm Trợ giúp pháp lý, Trung tâm Tư vấn và Công chứng
1.4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	Sở Tư pháp đã thực hiện liên thông Phần mềm Quản lý hồ sơ và công việc, cơ sở dữ liệu về Hộ tịch, liên thông tình trạng hồ sơ cấp Phiếu Lý lịch tư pháp thông qua trực NGSP và LGSP.
1.5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
1.5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành			
Trong đó	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với đơn vị mình	%	100	
	Tỷ lệ các cơ quan ngành dọc đã kết nối, liên thông với đơn vị mình	%	100	
	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với đơn vị mình	%	100	



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.5.2.	Tổng số văn bản đi phát hành	Văn bản	1.939	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)	%	86	Trong đó có 1660/1660 văn bản (tỷ lệ 100%) được gửi qua trực Hệ thống liên thông
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	10	
1.6.	Đã kết nối liên thông với Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của Thành phố	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	Sử dụng Hệ thống một cửa điện tử Thành phố từ 01/11/2022.
1.7.	Cung cấp Dịch vụ công trực tuyến			
1.7.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến một phần	%	100	
1.7.1.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến một phần	Thủ tục	04	
1.7.1.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần	Thủ tục	04	
1.7.1.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	00	
1.7.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình	%	100	
1.7.2.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến toàn trình	Thủ tục	05	



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.7.2.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình	Thủ tục	05	
1.7.2.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	01	
1.7.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến một phần và toàn trình đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100	
1.7.3.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần và toàn trình của địa phương	Thủ tục	9	
1.7.3.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến một phần và toàn trình đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	9	
1.7.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến một phần và toàn trình (Chỉ thống kê đối với các TTHC một phần và toàn trình có phát sinh hồ sơ)	%	0.01	
1.7.4.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận <sup>1</sup> (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	30.993	
1.7.4.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	03	
1.7.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	14	
1.7.5.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	7	

<sup>1</sup> Số liệu không bao gồm kỳ trước chuyển qua



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.7.5.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	01	
1.8	Ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp TCVN ISO 9001 tại cơ quan, đơn vị	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	02	
Trong đó	Số phòng, ban chuyên môn thực hiện	Cơ quan, đơn vị	04	Đạt tỷ lệ 40 %
	Số đơn vị trực thuộc thực hiện	Cơ quan, đơn vị	00	Đạt tỷ lệ 0 %

SỞ TƯ PHÁP TP. HỒ CHÍ MINH